TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-01-2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thị Thanh Quyên
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đỗ Văn Ngôn
2. Ông Nguyễn Ngọc Vân

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Thuý Nga – Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Lành – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 246/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2017/QĐXX-ST ngày 29 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2018/QĐ – HPT ngày 15/01/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị T – Sinh năm 1989 (có mặt)
HKTT: Thôn Y, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang
Nơi ở hiện nay: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu C – Sinh năm 1986 (có mặt)
HKTT: Thôn Y, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tại Toà án, cũng như tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn - chị Dương Thị trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Dương Thị T và anh Nguyễn Hữu Cquen biết nhau qua mai mối rồi tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang vào ngày 11/5/2015. Sau khi tổ chức cưới thì chị T về làm dâu gia đình nhà anh C ngay và sống chung cùng bố mẹ anh C. Quá trình chung sống, chị xác định vợ chồng

sống hạnh phúc được 3 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C thường xuyên rượu chè, cờ bạc và đi về đêm khuya. Chị có khuyên giải thì vợ chồng lại cãi cọ thậm chí đánh chửi nhau. Đến tháng 6/2017 do mâu thuẫn trở nên trầm trọng nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn H, xã T, huyện V sinh sống. Kể từ khi chị về nhà bố mẹ đẻ ở thì anh C không xuống gặp hay thăm nom gì con chung. Hai bên gia đình và chính quyền địa phương cũng không hòa giải gì. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị T xác định chị và anh C có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Hữu Ch, sinh ngày 05/5/2016. Cháu Ch hiện nay đang ở cùng chị và phát triển bình thường. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Chị T xác định không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai, các biên bản hòa giải, bị đơn – anh Nguyễn Hữu C trình bầy:

Về quan hệ vợ chồng: Anh Nguyễn Hữu Cvà chị Dương Thị T kết hôn với nhau ngày 11/5/2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện V. Sau khi tổ chức lễ cưới thì chị T về làm dâu gia đình nhà anh ngay và sống chung cùng với bố mẹ anh. Cuộc sống vợ chồng, anh xác định vẫn hạnh phúc từ khi kết hôn, không hề có mâu thuẫn gì lớn xảy ra với hai vợ chồng. Tháng 6/2017 chị T tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn H, xã T mà không hề nói gì với anh và bố mẹ anh. Vợ chồng cũng sống ly thân từ đó cho đến nay. Kể từ khi ly thân, anh có gọi điện cho chị T nhưng chị T không nghe máy. Anh có xuống nhà ông bà ngoại gặp chị T thì hai bên vẫn nói chuyện bình thường, anh có bảo chị T về nhà nhưng chị T không về. Hai bên gia đình cũng đã khuyên giải nhưng không được. Nay chị Txin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh C xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hữu Ch sinh ngày 05/5/2016. Cháu Ch hiện đang ở cùng với chị T và phát triển bình thường. Trường hợp ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu chị Tcấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác: Anh C xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn – chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình đối với anh C, chị xin ly hôn anh C vì chị xác định vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa. Anh C sống không có trách nhiệm với vợ con, vẫn thường xuyên rượu chè, cờ bạc, chị đã cho anh nhiều cơ hội nhưng anh không hề thay đổi.Chị xin được nuôi con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Hữu Chsinh ngày 05/5/2016, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Lý do chị muốn nuôi cháu Chvì cháu Ch hiện nay mới được hơn 1 tuổi, anh C không có công ăn việc làm ổn định nên không thể chăm sóc, nuôi dưỡng con phát triển chu đáo được. Ngoài ra, tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác không có nên chị không yêu cầu gì.

Anh Nguyễn Hữu C vẫn giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn chị T vì vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì lớn còn vì sao chị T về nhà ngoại ở thì anh không

biết. Anh xác định khi chị T về nhà ngoại ở thì anh có xuống đón gọi nhưng chị T nhất định không về. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2017 cho đến nay. Về con chung, anh xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hữu ch sinh ngày 05/5/2016. Hiện nay cháu Ch đang ở cùng chị T và anh cũng có nguyện vọng được nuôi con chung của vợ chồng, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác anh xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành phát luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Về ý kiến giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271; Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án, xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Dương Thị T được ly hôn anh Nguyễn Hữu C.

Về con chung: Giao chị Dương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu Ch, sinh ngày 05/5/2016. Anh Ckhông phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí DSST nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc khởi kiện của chị Dương Thị T xin ly hôn anh Nguyễn Hữu C và xin nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Việt Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ vợ chồng: Chị T đã trình bày trong hồ sơ giữa chị và anh C có đăng ký kết hôn vào ngày 11/5/2015 tại UBND xã N. Chị T cũng đã cung cấp được Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn bản gốc ngày 11/5/2015. Như vậy, hôn nhân của chị T và anh C là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T và anh C đều xác định vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2017 cho đến nay và chị T đã về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 6/2017, không ai còn quan tâm tới ai. Việc chị T, anh C sống ly thân đã lâu và Tòa án cũng tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành có thể thấy mâu thuẫn giữa chị T, anh C đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không đạt được, khó có khả năng để đoàn tụ. Do đó, việc chị T xin ly hôn anh C là có căn cứ cần chấp nhận.

Về con chung: Chị T và anh Ccó 01 con chung là cháu Nguyễn Hữu Ch, sinh ngày 05/5/2016. Hiện nay cháu Ch đang ở cùng chị T và phát triển bình thường. Ly hôn chị T và anh C đều có nguyện vọng được nuôi cháu Ch, Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Ch sinh ngày 05/5/2016, tính đến thời điểm xét xử cháu mới được 1 tuổi 8 tháng chưa đủ 3 tuổi. Do đó cần giao cháu Ch cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Chị T, anh C không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết đưa ra xem xét trong vụ án này.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Chị T và anh C đều xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án, chị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án.

Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Dương Thị T được ly hôn anh Nguyễn Hữu C.

Về con chung: Giao chị Dương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hữu Ch sinh ngày 05/5/2016. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị T, anh C không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh Ccó quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Dương Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2012/04702 ngày 12/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo thời hạn kháng cáo là 15 ngày cho đương sự có mặt biết kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lương Thị Thanh Quyên